

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 15/2018/HS-ST

Ngày: 23/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn;

2. Bà Bàn Thị Ba

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh, Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 23/3/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 10/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 23/02/2018 đối với bị cáo:

Lù Seo N; tên gọi khác: Không; sinh năm 1992 tại xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông: Lù Lao K, sinh năm 1972 và bà: Lù Già K1, sinh năm 1968; anh, chị, em ruột: Gia đình bị cáo có 2 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ: Lý Thị T, sinh năm 1996 và con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án: không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 13/9/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lù Seo N:* Bà Nguyễn Thị Thanh H- Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Cư Văn T2 - Sinh năm 1995. Có mặt;

2. Đặng Văn Q - Sinh năm 1995. Có mặt;

3. Cao Văn X - Sinh năm 1971. Vắng mặt;

4. Bàn Thị X1- Sinh năm 1986. Vắng mặt;
5. Đặng Văn M - Sinh năm 1984. Vắng mặt;
6. Phan Văn T3- Sinh năm 1979. Vắng mặt;
7. Bàn Văn M1 - Sinh năm 1996. Vắng mặt;
8. Bàn Văn D1 - sinh năm 2002. Có mặt;
9. Phan Văn H1 - Sinh năm 1959. Vắng mặt;
10. Bàn Văn T5 - Sinh năm 1973. Vắng mặt;
- 11.Đặng Văn K - Sinh năm 1994. Vắng mặt;
12. Bàn Thị H2 - Sinh năm 1993. Vắng mặt.
13. Lữ Văn Đ. Có mặt.
14. C (không xác định được họ, địa chỉ). Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Bàn Văn D1: Ông Bàn Văn H ủy quyền cho ông Lý Văn Đ1. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2017, Lù Seo N đi làm thuê tại Quảng Tây - Trung Quốc cho một người tên là D, khi làm được khoảng hơn hai tuần thì D đưa cho N 800NDT và bảo N về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho D, nếu tìm được người thì D giao cho N quản lý số người lao động và chăm công, tiền công D trả cho N là 3000NDT/ tháng, N đồng ý, khi về nhà vợ là Lý Thị T, ở thôn B, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai, N gặp Lù Seo T1, sinh năm 1996, trú tại Thôn H, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang (*T làm bốc vác thuê tại Bến B, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai*), qua nói chuyện N bảo đang cần tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê, công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công là 100NDT/01 ngày, nếu có ai đi thì bảo N hoặc cho số điện thoại của N để họ liên lạc trực tiếp với N, T đồng ý. Tại tổ làm thuê bốc vác cùng với T có 05 người tên là H, A, L, D, H(*không biết họ tên, địa chỉ, vì mỗi người ở một địa phương khác nhau*) qua nói chuyện T bảo có người đang tìm người đi Trung Quốc làm thuê nếu ai muốn đi thì T cho số điện thoại của N để họ trực tiếp liên lạc, thỏa thuận với N (*nhưng cả 5 người làm thuê cùng T không ai đi*). Sau khi nghe T nói, số người này đã nói chuyện với một số người khác biết về việc có người tìm người đi Trung Quốc làm thuê, trong đó có Cư Văn T2, sinh năm 1995, trú tại thôn 10, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang đã xin số điện thoại của N và gọi cho N hỏi về việc đi Trung Quốc làm thuê, N nói cho T2 biết, công việc làm thuê là phát rừng, trồng cây, tiền công được trả là 100NDT/ngày, T2 đồng ý. N hẹn T2 tập trung ở km6, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai để N đưa đi Trung Quốc làm thuê. Do ít người đi nên N đã gọi điện thoại cho Lù Seo T5, sinh

năm 1997, trú tại thôn C, xã P, huyện H1, tỉnh Hà Giang (*N biết T5 cũng thường xuyên đi Trung Quốc làm thuê và đã xin số điện thoại của T5 qua một số người cùng làm thuê với N tại Trung Quốc*) và được biết T5 cũng đang chuẩn bị đi Trung Quốc làm thuê, T5 hẹn N đến nhà T5 rồi cùng đi. Đến ngày 30/4/2017, T2 cùng 03 người là Đ, C và 01 người ở xã T, huyện H1 (*không biết tên tuổi, địa chỉ cùng làm bốc vác thuê với T2 tại Bến B, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai*), tổng số là 4 người, đến km6, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai để đợi N đưa đi Trung Quốc. Khi đến chỗ hẹn thì N gặp Đặng Văn T6— sinh năm 1989, trú tại thôn 5 N, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang (*N và T6 đã quen biết nhau từ trước*), qua nói chuyện biết T6 cũng đi Trung Quốc làm thuê nên N nhờ T6 chở T2 và người không biết tên, còn N chở Đ và C đi từ km6, xã B1, huyện B2, tỉnh Lào Cai đi qua huyện B, tỉnh Lào Cai, qua huyện X, đến huyện H1, tỉnh Hà Giang, khi nghỉ uống nước N gọi điện thoại cho Lù Seo T5 đến đón cùng về nhà T5 nghỉ tại nhà T5, trong thời gian ở nhà T5 thì 01 người ở xã T, huyện H1 (*không biết tên*) quay về không đi nữa. Sau đó tất cả cùng nhau đi, nhóm của T5 có 04 người là T5, vợ T5, T7 và K1 (*không rõ họ, tên đệm và địa chỉ*) nhóm của N có 03 người. Tổng số 07 người là: T2, Đ, C (*nhóm của N*) và Lù Seo T5, N (*vợ T5*), T7, K1 (*nhóm của Lù Seo T5*) cùng đi Trung Quốc làm thuê. Trên đường đi đến xã C, huyện H1 thì vợ N gọi điện báo con N bị ốm nên N quay về. Trước khi về N gọi điện thoại cho D (*người Trung Quốc*) biết đã tìm được người đang trên đường đưa sang Trung Quốc làm thuê cho D, nhưng do có việc nên N không sang giao người được và bảo ông D đến đường biên giới thuộc địa phận xã BM, huyện H1 đón 03 người (*nhóm của N là T2, Đ, C*) sang Trung Quốc làm thuê cho D, còn T6 và nhóm của Lù Seo T5 đi làm thuê ở đâu không biết. Trong số người trên có Cư Văn T2 đã trở về Việt Nam, qua xác minh tại địa phương được biết Lù Seo T5 cùng vợ và số người còn lại vẫn đang tiếp tục làm thuê ở Trung Quốc.

Lần 2: Khoảng giữa năm 2017, Lù Seo N tiếp tục đi Trung Quốc làm thuê cho D và được D trả tiền công tìm người ở lần 01 là 1000NDT, làm được khoảng 02 tháng, D lại bảo N về Việt Nam tìm người đưa làm thuê cho D, nếu tìm được người thì D sẽ trả tiền công cho N là 500NDT/ người. N đồng ý, D đưa cho N 5000NDT (*tiền công, chi phí trong quá trình về Việt Nam tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê cho D*). Về Việt Nam, N gặp Đặng Văn K, sinh năm 1994, trú tại thôn 6 V, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai, N rủ K đi Trung Quốc làm thuê, công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công được trả là 100NDT/ngày/người, K đồng ý cùng vợ K đi Trung Quốc làm thuê. Ngày 9/9/2017 có một số người là anh em họ hàng của K và một số người cùng xóm biết vợ chồng K chuẩn bị đi Trung Quốc làm thuê nên đến nhà K hỏi công việc đi Trung Quốc làm thuê như thế nào, K gọi điện thoại cho N đến nhà K nói chuyện trực tiếp với mọi người, tất cả có 09 người gồm: (1) Đặng Văn Q, sinh năm 1995; (2) Cao Văn X, sinh năm 1971, cùng trú tại thôn 6 V, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (3) Bàn Thị X1- sinh năm 1986, trú tại xã BL,

huyện Q, tỉnh Hà Giang; (4) Đặng Văn M - sinh năm 1984; (5) Phan Văn T3- sinh năm 1979 cùng trú tại thôn NC, xã Quảng N, huyện X, tỉnh Hà Giang; (6) Bàn Văn M1 - sinh năm 1996; (7) Bàn Văn D1, sinh năm 2002 cùng trú tại thôn NĐ, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (8) Phan Văn H1 - sinh năm 1959, trú tại LK, xã XH, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (9) Bàn Văn T5 - sinh năm 1973, trú tại thôn NT, huyện BY, tỉnh Lào Cai. N nói với số người trên đi Trung Quốc làm thuê công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công được trả là 100NDT/ngày/người. Tất cả số người trên đồng ý đi Trung Quốc làm thuê. N hẹn sáng ngày 10/9/2017 tất cả tập trung tại đường Quốc lộ 70 gần nhà K sẽ có xe khách đi qua đón, N đưa cho K 1.000.000^d (Một triệu đồng) nhờ K mua thức ăn nấu cho mọi người ăn tại nhà K. N liên hệ xe khách để đón, đưa số người trên đến thị trấn V, huyện H1, tỉnh Hà Giang. Đúng hẹn, sáng ngày 10/9/2017, vợ chồng K cùng 09 người trên tập trung tại đường Quốc lộ 70 chờ xe khách Lào Cai – Hà Giang đón, đi qua huyện Q đến ngã tư thuộc địa phận xã TQ, B, Hà Giang, đón xe đi tiếp đến thị trấn V, huyện H1 sau đó thuê xe mô tô đi đến biên giới thuộc địa phận xã BM, H1 để vượt biên trái phép đi Trung Quốc. Trên đường đi đến xã BM thì N và 11 người trên bị Công an huyện H1 phát hiện, ngăn chặn, mời về trụ sở Công an huyện làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 02/KSĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Lù Seo N về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Lù Seo N thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Lù Seo N phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo đã rủ rê và 2 lần tổ chức đưa 14 người sang Trung quốc lao động theo thỏa thuận với đối tượng D người Trung Quốc.

Những người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai nhận: Sau khi được N nói rõ việc sang Trung Quốc làm thuê công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công được trả là 100NDT/ngày/người, mọi người đều nhất trí tự nguyện đi cùng N, tất cả khi đi đều không làm thủ tục xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Seo N phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p,g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Lù Seo N từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả lại 01 chiếc xe máy và giấy đăng kí xe mang tên Lù Seo N.

4. Án phí: Buộc bị cáo Lù Seo N phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo

khoản 2 Điều 275 BLHS năm 1999 là đúng người đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì những lý do sau:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- Bị cáo là người dân tộc thiểu số gia đình có khó khăn, là lao động chính, trình độ nhận thức hạn chế, phần lớn số công dân do bị cáo tổ chức trốn đi Trung Quốc là tự xin bị cáo cho đi cùng, lần 2 bị cáo chưa đưa được người lao động sang Trung Quốc nên chưa gây thiệt hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p,g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lù Seo N không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Lù Seo N thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Lù Seo N phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra từ bút lục 45 đến bút lục 66; phù hợp với lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra từ bút lục 67 đến bút lục 120 cũng như lời khai của người làm chứng có mặt tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người (BL 24) đều thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 9/2017 Lù Seo N đã có hành vi tổ chức 2 lần cho 14 công dân của các địa phương Hà Giang, Lào Cai đi sang Trung Quốc lao động làm thuê:

Lần thứ nhất vào tháng 4/2017 bị cáo đưa 3 người gồm: Cù Văn T2 - sinh năm 1995, trú tại thôn 10, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang cùng Đ và C (*không biết họ, địa chỉ*) vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê cho ông D (*người Trung Quốc*) qua đường biên giới thuộc địa phận xã BM, huyện H1, tỉnh Hà Giang để hưởng lợi 1800NDT (gồm 800NDT tiền chi phí tìm người và 1000NDT tiền công tìm người).

Lần thứ 2 vào tháng 9/2017 bị cáo đưa 11 người gồm: (1) Đặng Văn K, sinh năm 1994; (2) Bàn Thị H2, sinh năm 1993; (3) Đặng Văn Q, sinh năm 1995; (4) Cao Văn X, sinh năm 1971, cùng trú tại thôn 6 V, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (5) Bàn Thị X1- sinh năm 1986, trú tại xã BL, huyện Q, tỉnh Hà Giang; (6) Đặng

Văn M - sinh năm 1984; (7) Phan Văn T3- sinh năm 1979 cùng trú tại thôn NC, xã Quảng N, huyện X, tỉnh Hà Giang; (8) Bàn Văn M1 - sinh năm 1996; (9) Bàn Văn D1, sinh năm 2002 cùng trú tại thôn NĐ, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (10) Phan Văn H1 - sinh năm 1959, trú tại LK, xã XH, huyện BY, tỉnh Lào Cai; (11) Bàn Văn T5 - sinh năm 1973, trú tại thôn NT, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Khi đang trên đường đi đến biên giới thuộc xã BM, huyện H1, tỉnh Hà Giang để vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê thì bị Công an huyện H1 phát hiện và ngăn chặn nên việc đưa 11 người đi sang Trung Quốc lao động làm thuê chưa thực hiện được, tuy bị cáo chưa đưa được các công dân Việt Nam sang Trung Quốc, nhưng bị cáo đã được đối tượng D ứng cho 5000NDT để chi phí trong quá trình tìm người như đã thỏa thuận với D (người Trung Quốc).

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Lù Seo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của nhà nước về lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm phạm đến trật tự an ninh biên giới. Mặc dù bị cáo không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho việc tuyển người và đưa người lao động ra nước ngoài làm việc nhưng bị cáo Lù Seo N đã đứng ra trao đổi, thống nhất và nhận lời với đối tượng D (Người Trung Quốc) về việc tìm người và tổ chức đưa người sang Trung Quốc cho D nhằm mục đích hưởng tiền công tìm người lao động. Tổng số tiền bị cáo hưởng lợi từ hai lần tổ chức đưa 14 công dân Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê là 6.800NDT. Trong đó 3.300NDT N chi phí vào quá trình tìm người và đưa người đi Trung Quốc; còn 3.500NDT N chi tiêu cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS năm 1999. Vì vậy Cáo trạng số 02/KSĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Lù Seo N về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, quan điểm về áp dụng điều luật và mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lù Seo N là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4]. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc tổ chức người khác ra nước ngoài khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được phép tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với nước ngoài. Nhưng vì muốn kiếm tiền công tìm người của đối tượng D người Trung Quốc, bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, đưa 14 công dân Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê, không làm thủ tục xuất nhập cảnh là trái quy định của pháp luật. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện sống và làm việc theo pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này. Tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, những người bị cáo tổ chức trốn đi nước ngoài đều là những người có

nhu cầu đi lao động để tăng nguồn thu nhập, trong số 14 người bị cáo đưa sang Trung quốc để lao động bị cáo mới đưa được 3 người (lần thứ nhất) sang Trung quốc lao động, còn 11 người (lần thứ 2) đang trên đường đi thì bị cơ quan công an phát hiện nên đã ngăn chặn kịp thời nên hậu quả chưa xảy ra, những người lao động chưa bị đưa sang Trung Quốc; bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p,g khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[5]. Đối với Lù Seo T1, sinh năm 1996, trú tại Thôn H, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang được bị cáo N trao đổi nội dung tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê nên T có nói lại với một số người cùng làm thuê với T và cho họ số điện thoại của N, T và N không có thỏa thuận gì về việc trả công tìm người cho N và cũng không được N hứa hẹn gì, cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đặng Văn T6 – sinh năm 1989, trú tại thôn 5 N, xã N, huyện H1, tỉnh Hà Giang trên đường đi sang Trung Quốc làm thuê gặp N và chở hộ N hai người cùng đi sang Trung Quốc làm thuê, T6 không được N bàn bạc, trả công gì, nên Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với T6. Hành vi xuất nhập cảnh trái phép của Đặng Văn T6 đã bị cơ quan công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 17/QĐ-XP/KLB ngày 09/12/2017 với hình thức cảnh cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lù Seo T5 - sinh năm 1997, trú tại thôn C, xã P, huyện H1, tỉnh Hà Giang là người N liên hệ cùng đi Trung Quốc làm thuê, cùng đi với T5 có vợ T5 là N, T7, K1 (*không rõ họ, địa chỉ*). Quá trình điều tra, xác minh vợ chồng T5 và những người cùng đi lao động, không có mặt tại địa phương, Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng D người Trung Quốc, là người trực tiếp đưa tiền và bảo bị cáo Lù Seo N tìm công dân Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm thuê. Nhưng bị cáo Lù Seo N không biết họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ cụ thể của D. Cơ quan An ninh điều tra đang xác minh làm rõ. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Đối với người làm chứng: Đặng Văn K, sinh năm 1994 trú tại thôn 6 V, xã T, huyện BY, tỉnh Lào Cai. K được N rủ đi làm thuê Trung Quốc, bản thân K có nói cho một số người biết việc N tìm người sang Trung Quốc làm thuê nên mọi người đã đến nhà K để gặp N hỏi việc đi Trung Quốc làm thuê. K cũng được N đưa 1.000.000đ để chi phí ăn uống, nhưng K không được N hứa hẹn gì về việc trả công tìm người, bản thân K cũng có nhu cầu đi làm thuê. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cơ quan An ninh điều tra xác định K không phải đồng phạm cùng N trong vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, tem dán EXCITER màu sơn trắng, đen, đỏ biển kiểm soát 23F1-077.81 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Lù Seo N. Xét thấy quá trình tìm người và

tổ chức đưa người đi Trung Quốc, bị cáo đã sử dụng 1 lần vào việc chở người, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng, việc bị cáo dùng chở người để đi Trung quốc không nói cho vợ bị cáo biết, nên HĐXX thấy cần áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với số tiền bị cáo được đối tượng D người Trung Quốc đưa để chi phí trong quá trình về Việt Nam tìm người là 6.800NDT bị cáo đã chi tiêu cho việc đi tìm người và chi tiêu cá nhân hết, xét thấy điều kiện hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có nguồn thu nhập nên HĐXX không xem xét truy thu số tiền nêu trên.

[9]. Bị cáo Lù Seo N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Seo N phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Lù Seo N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam 13/9/2017.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Lù Seo N 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA; 01 giấy đăng ký xe mang tên Lù Seo N. Tình trạng đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh và cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 09/01/2018.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lù Seo N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV 27; PA92;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Lan Anh

